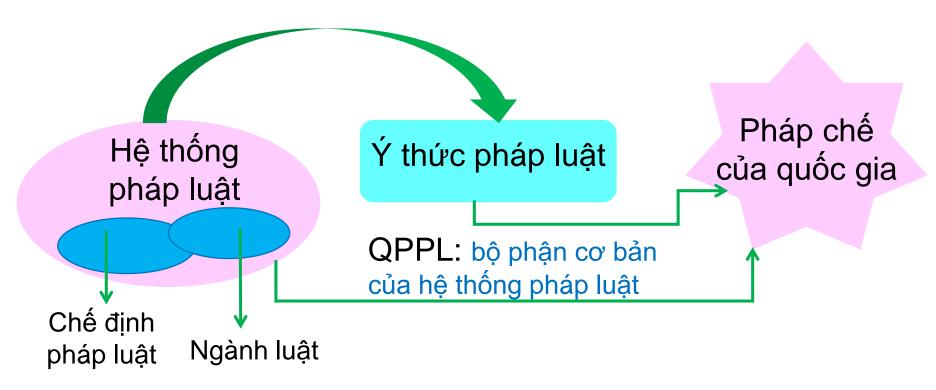
Chương 6. Hệ thống pháp luật, ý thức pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa

Phụ trách học phần: GV. Trương Thị Ánh Nguyệt

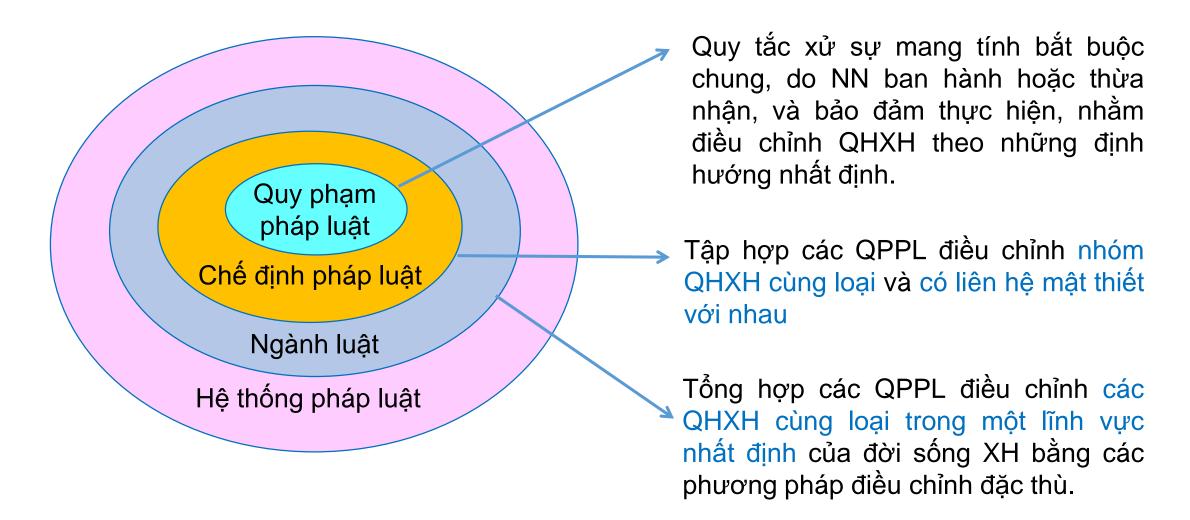
6.1. Hệ thống pháp luật

6.1.1. Khái niệm



Hệ thống pháp luật XHCN Việt Nam được hiểu là tổng thể các QPPL có mối liên hệ chặt chẽ và thống nhất với nhau, được phân định thành các ngành luật, chế định pháp luật và được thể hiện trong các văn bản QPPL do CQNNN ban hành theo một trình tự và dưới một hình thức nhất định.

6.1.2. Các bộ phận cấu thành của hệ thống pháp luật Việt Nam



6.1.3. Căn cứ để phân định các ngành luật. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam

Căn cứ để phân chia hệ thống pháp luật thành ngành luật

Đối tượng điều chỉnh

Các QHXH được pháp luật điều chỉnh có chung tính chất, phát sinh trong một lĩnh vực nhất định của đời sống XH.

Phương pháp điều chỉnh

Cách thức mà nhà nước sử dụng trong pháp luật để tác động đến cách xử sự của những chủ thể tham gia QHXH.

6.1.3. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam

- Luật Hiến pháp
- Luật Hành chính
- Luật Tố tụng hành chính
- Luật Hình sự
- Luật Tố tụng hình sự
- Luật Dân sự
- Luật Hôn nhân và gia đình

- Luật Tố tụng dân sự
- Luật Tài chính
- Luật Ngân hàng
- Luật Đất đai
- Luật Lao động
- Luật Kinh doanh

6.1.4. Các tiêu chí đánh giá hệ thống pháp luật

Tính toàn diện của hệ thống pháp luật

Tính thống nhất và đồng bộ của hệ thống pháp luật

Tính phù hợp và khả thị của hệ thống pháp luật

Ngôn ngữ và
kỹ thuật xây dựng
pháp luật

6.1.5. Hệ thống hóa pháp luật

A. Khái niệm

Hoạt động chấn chỉnh pháp luật theo một trật tự nhất định



Mục đích nghiên cứu, xây dựng, sử dụng, áp dụng pháp luật của các cá nhân và tổ chức trong xã hội

6.1.5. Hệ thống hóa pháp luật

B. Ý nghĩa

Giúp các CQNN có thẩm quyền có sự nhìn nhận tổng quát đối với pháp luật hiện hành, phát hiện những điểm không phù hợp, mâu thuẫn, chồng chéo và những lỗ hổng của hệ thống pháp luật

Có vai trò rất quan trọng đối với việc thực hiện và áp dụng pháp luật

Hệ thống hóa pháp luật giúp việc nghiên cửu pháp luật, phổ biến và giáo dục pháp luật, hệ thống hóa pháp luật được tốt hơn nhờ có sự tập hợp, sắp xếp pháp luật rõ ràng, logic, có trật tự.

6.1.5. Hệ thống hóa pháp luật

C. Các hình thức của hệ thống hóa pháp luật

Hình thức

Tập hợp hóa

Là hoạt động thu thập, sắp xếp các nguồn luật, các quy định pháp luật theo một trình tự nhất định, như: theo cơ quan ban hành, theo thời gian ban hành, theo hiệu lực pháp lý, theo ngành quản lý... mà không làm thay đổi nội dung, hiệu lực pháp lý của các quy định pháp luật.

Pháp điển hóa

Là hoạt động của các CQNN có thẩm quyền nhằm tập hợp, sắp xếp các quy định PL theo một trình tự nhất định, loại bỏ các quy phạm lỗi thời, mâu thuẫn, bổ sung các quy định mới để khắc phục những lỗ hổng của pháp luật, cuối cùng tạo ra một văn bản QPPL mới.

6.2.1. Khái niệm

Các học thuyết, tư tưởng, quan điểm, quan niệm phổ biến trong xã hội







Mối quan hệ của con người đối với pháp luật hiện hành, pháp luật đã qua và pháp luật cần phải có

Sự đánh giá về tính hợp pháp hay không hợp pháp trong hành vi xử sự của con người, trong tổ chức và hoạt động của các CQNN và tổ chức xã hội.

Lưu ý: Ý thức pháp luật chịu sự ảnh hưởng của ý chí giai cấp cầm quyền (giai cấp lãnh đạo) trong xã hội.



6.2.2. Đặc điểm

Ý thức pháp luật thường lạc hậu hơn so với tồn tại xã hội.

Ý thức pháp luật mang tính kế thừa, có thể theo hướng tích cực hoặc tiêu cực.

Ý thức pháp luật là hiện tượng mang tính giai cấp sâu sắc.

Ý thức pháp luật tác động trở lại đối với tồn tại xã hội, các hình thái ý thức xã hội khác và các yếu tố thuộc thượng tầng kiến trúc pháp lý.

6.2.3. Chức năng

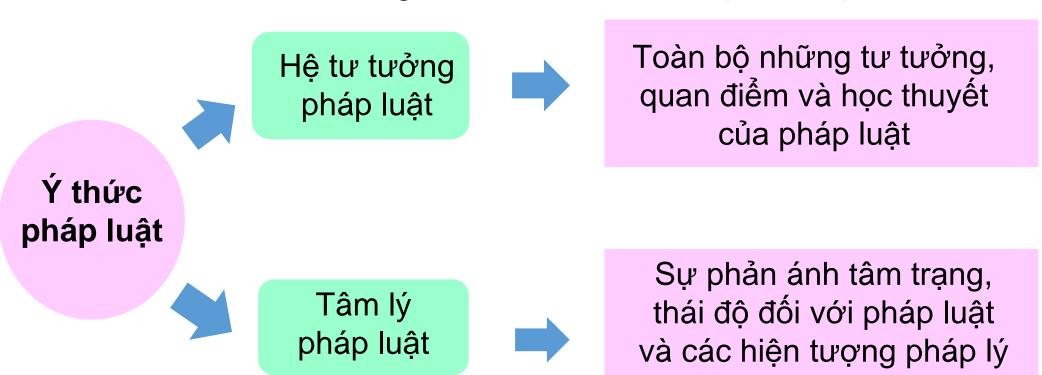
Chức năng nhận thức

Chức năng mô hình hóa pháp lý

Chức năng điều chỉnh

6.2.4. Cơ cấu

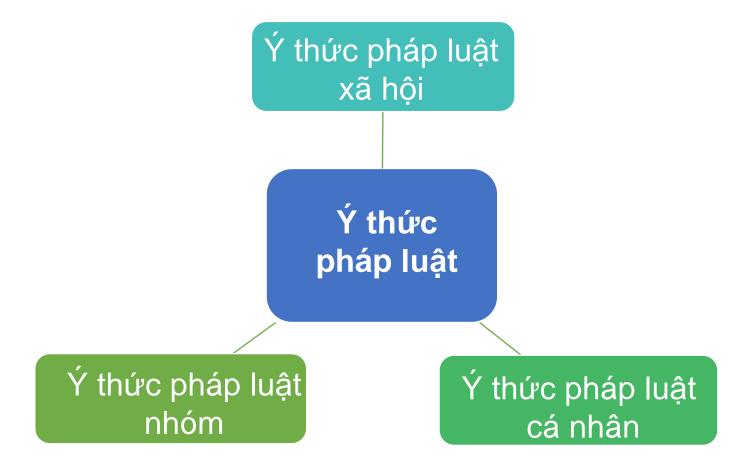
Căn cứ vào nội dung, tính chất của các bộ phận hợp thành



khác.

6.2.4. Cơ cấu

Phụ thuộc vào chủ thể mang ý thức pháp luật



6.2.4. Cơ cấu

Phụ thuộc vào mức độ và phạm vi nhận thức

Ý thức pháp luật

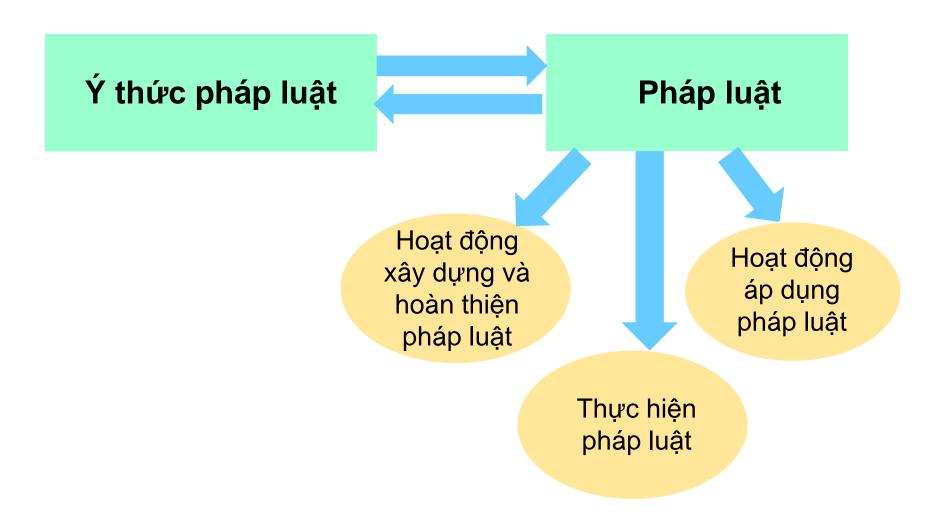


Ý thức pháp luật thông thường



Ý thức pháp luật mang tính lý luận

6.2.5. Mối quan hệ giữa ý thức pháp luật và pháp luật



6.3.1. Khái niệm

Pháp chế XHCN là nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước XHCN

nguyên tắc hoạt động của các tổ chức CT-XH và các đoàn thể quần chúng

Pháp chế XHCN là 1 trong những nguyên tắc quan trọng nhất của việc bảo đảm và phát huy dân chủ XHCN

Pháp chế XHCN là 1 trong những nguyên tắc quan trọng nhất trong xử sự của công dân

Pháp chế XHCN là chế độ đặc biệt của đời sống chính trị - xã hội, trong đó tất cả các cơ quan, tổ chức, công dân phải tôn trọng và thực hiện pháp luật XHCN một cách tự giác, nghiêm chỉnh, đầy đủ và thống nhất.

6.3.2. Các nguyên tắc của pháp chế xã hội chủ nghĩa

Tôn trọng tính tối cao của Hiến pháp

Bảo đảm tính thống nhất trong nhận thức và thực hiện pháp luật trên quy mô toàn quốc

Đảm bảo hoạt động xây dựng pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật và bảo vệ pháp luật được thực hiện một cách tích cực, chủ động và hiệu quả

Các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân luôn được đảm bảo và bảo vệ

Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ của công dân

Không tách rời công tác pháp chế với văn hóa và văn hóa pháp lý

6.3.1. Những đảm bảo đối với pháp chế xã hội chủ nghĩa



6.3.2. Các biện pháp tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác pháp chế

Đẩy mạnh công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật XHCN

Tăng cường công tác tổ chức thực hiện pháp luật

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm minh các hành vi VPPL